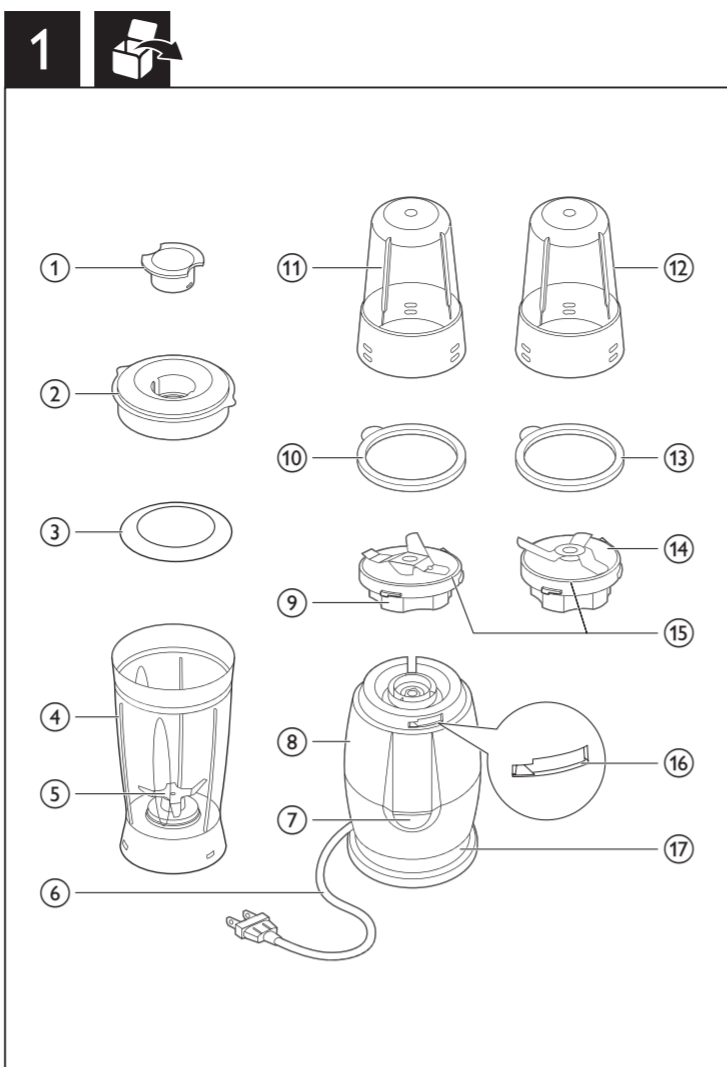


HR2860
HR2854



EN	User manual	TH	คู่มือผู้ใช้
ID	Buku Petunjuk Pengguna	VI	Hướng dẫn sử dụng
KO	사용 설명서	ZH-S	用户手册
MS-MY	Manual pengguna	ZH-T	使用手册

PHILIPS



English

- 1 Stopper
- 2 Lid of blender beaker
- 3 Rubber sealing ring for blender lid
- 4 Blender beaker
- 5 Integrated blade unit of blender
- 6 Mains cord
- 7 On/off button
- 8 Motor unit
- 9 Blade unit of wet mill (HR2860 only)
- 10 Lid of wet mill beaker (HR2860 only)
- 11 Wet mill beaker (HR2860 only)
- 12 Dry mill beaker (HR2860 only)
- 13 Lid of dry mill beaker (HR2860 only)
- 14 Blade unit of dry mill (HR2860 only)
- 15 Rubber ring
- 16 Built-in safety lock
- 17 Cord storage

한국어

- 1 마개
- 2 블렌더 용기 뚜껑
- 3 블렌더 뚜껑의 고무 봉합 링
- 4 블렌더 용기
- 5 내장된 블렌더 칼날부
- 6 전원 코드
- 7 전원 버튼
- 8 본체
- 9 젖은 재료용 분쇄기 칼날부 (HR2860 모델만 해당)
- 10 젖은 재료용 분쇄기 용기 뚜껑 (HR2860 모델만 해당)
- 11 젖은 재료용 분쇄기 용기 (HR2860 모델만 해당)
- 12 마른 재료용 분쇄기 용기 (HR2860 모델만 해당)
- 13 마른 재료용 분쇄기 용기 뚜껑 (HR2860 모델만 해당)
- 14 마른 재료용 분쇄기 칼날부 (HR2860 모델만 해당)
- 15 고무 링
- 16 내장된 안전 잠금 장치
- 17 코드 보관

ภาษาไทย

- 1 จุกปิด
- 2 ฝาปิดโถปั่น
- 3 ห่วงยางกันรั่วซึมสำหรับฝาเครื่องปั่น
- 4 โถปั่น
- 5 ชุดใบมีดในตัวของเครื่องปั่น
- 6 สายไฟหลัก
- 7 ปุ่มเปิด/ปิด
- 8 แม่เหล็ก
- 9 ชุดใบมีดของโถปั่นเปียก (HR2860 เท่านั้น)
- 10 ฝาโถปั่นเปียก (HR2860 เท่านั้น)
- 11 ถ้วยปั่นเปียกสำหรับปั่นน้ำ (HR2860 เท่านั้น)
- 12 ถ้วยปั่นแห้งสำหรับปั่นแห้ง (HR2860 เท่านั้น)
- 13 ฝาโถปั่นแห้ง (HR2860 เท่านั้น)
- 14 ชุดใบมีดของโถปั่นแห้ง (HR2860 เท่านั้น)
- 15 วงแหวนยาง
- 16 ระบบล็อกนิรภัยซึ่งติดตั้งในเครื่อง
- 17 ที่เก็บสายไฟ

简体中文

- 1 塞子
- 2 搅拌杯盖
- 3 搅拌杯盖的橡胶密封圈
- 4 搅拌杯
- 5 搅拌机的集成刀片组件
- 6 电源线
- 7 开/关按钮
- 8 马达组件
- 9 湿磨用刀片装置 (仅限于 HR2860)
- 10 湿磨杯盖子 (仅限于 HR2860)
- 11 湿磨杯 (仅限于 HR2860)
- 12 干磨杯 (仅限于 HR2860)
- 13 干磨杯盖子 (仅限于 HR2860)
- 14 干磨用刀片装置 (仅限于 HR2860)
- 15 橡胶圈
- 16 内置安全锁
- 17 电源线存储装置

PHILIPS

产品 : 飞利浦搅拌机
型号 : HR2860
额定电压 : 220V~
额定频率 : 50Hz
额定输入功率 : 220 W
生产日期 : 请见产品底部
产地 : 中国



制造商: 飞利浦电子香港有限公司
香港新界沙田香港科学园科技道东五号

经销单位: 飞利浦(中国)投资有限公司
上海市天目西路218号1602-1605
全国顾客服务热线: 4008 800 008

本产品根据国标GB4706.1-2005, GB4706.30-2008
制造



Indonesia

- 1 Tutup kecil
- 2 Tutup gelas blender
- 3 Gelang karet penyegel untuk tutup blender
- 4 Gelas blender
- 5 Unit pisau terpadu untuk blender
- 6 Kabel konektor
- 7 Tombol on/off
- 8 Unit motor
- 9 Unit pisau untuk gilingan basah (HR2860 saja)
- 10 Tutup gelas gilingan basah (HR2860 saja)
- 11 Gelas penggiling basah (HR2860 saja)
- 12 Gelas penggiling kering (HR2860 saja)
- 13 Tutup gelas gilingan kering (HR2860 saja)
- 14 Unit pisau untuk gilingan kering (HR2860 saja)
- 15 Gelang karet
- 16 Kunci pengaman terpasang
- 17 Tempat penyimpanan kabel

Bahasa Melayu

- 1 Penutup
- 2 Tudung balang pengisar
- 3 Gelung kedap getah untuk tudung pengisar
- 4 Bikar pengisar
- 5 Unit pisau sepadu pengisar
- 6 Kord sesalur kuasa
- 7 Butang hidup/mati
- 8 Unit motor
- 9 Unit pisau pengisar basah (HR2860 sahaja)
- 10 Tudung bikar pengisar basah (HR2860 sahaja)
- 11 Bikar pengisar basah (HR2860 sahaja)
- 12 Bikar pengisar kering (HR2860 sahaja)
- 13 Tudung bikar pengisar kering (HR2860 sahaja)
- 14 Unit pisau pengisar kering (HR2860 sahaja)
- 15 Gelung getah
- 16 Kunci keselamatan binaan dalam
- 17 Penyimpanan kord

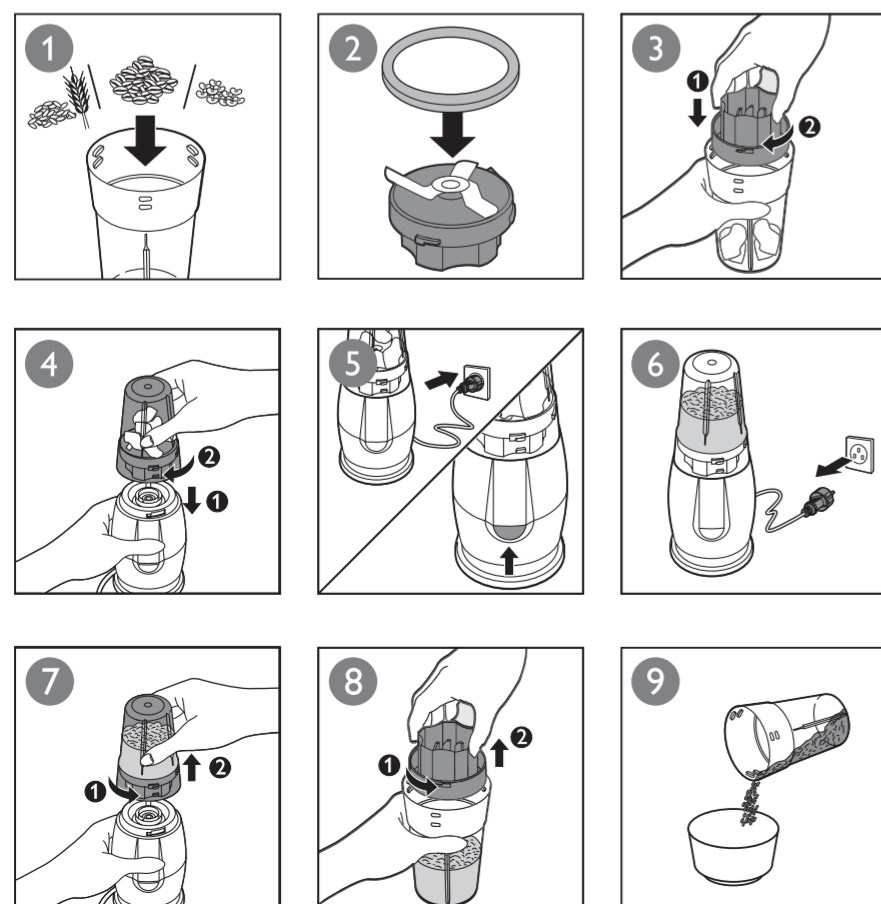
Tiếng Việt

- 1 Nút dây
- 2 Nắp cốc máy xay
- 3 Vòng đệm bằng cao su cho nắp máy xay
- 4 Cốc máy xay
- 5 Bộ lưỡi cắt tích hợp của máy xay
- 6 Dây nguồn
- 7 Nút bật/tắt
- 8 Bộ phận mô-tơ
- 9 Bộ lưỡi cắt của máy nghiền ướt (chỉ có ở kiểu HR2860)
- 10 Nắp cốc nghiền ướt (chỉ có ở kiểu HR2860)
- 11 Cốc nghiền ướt (chỉ có ở kiểu HR2860)
- 12 Cốc nghiền khô (chỉ có ở kiểu HR2860)
- 13 Nắp cốc nghiền khô (chỉ có ở kiểu HR2860)
- 14 Bộ lưỡi cắt của máy nghiền khô (chỉ có ở kiểu HR2860)
- 15 Vòng cao su
- 16 Thiết bị khóa an toàn bên trong máy
- 17 Bảo quản dây dẫn

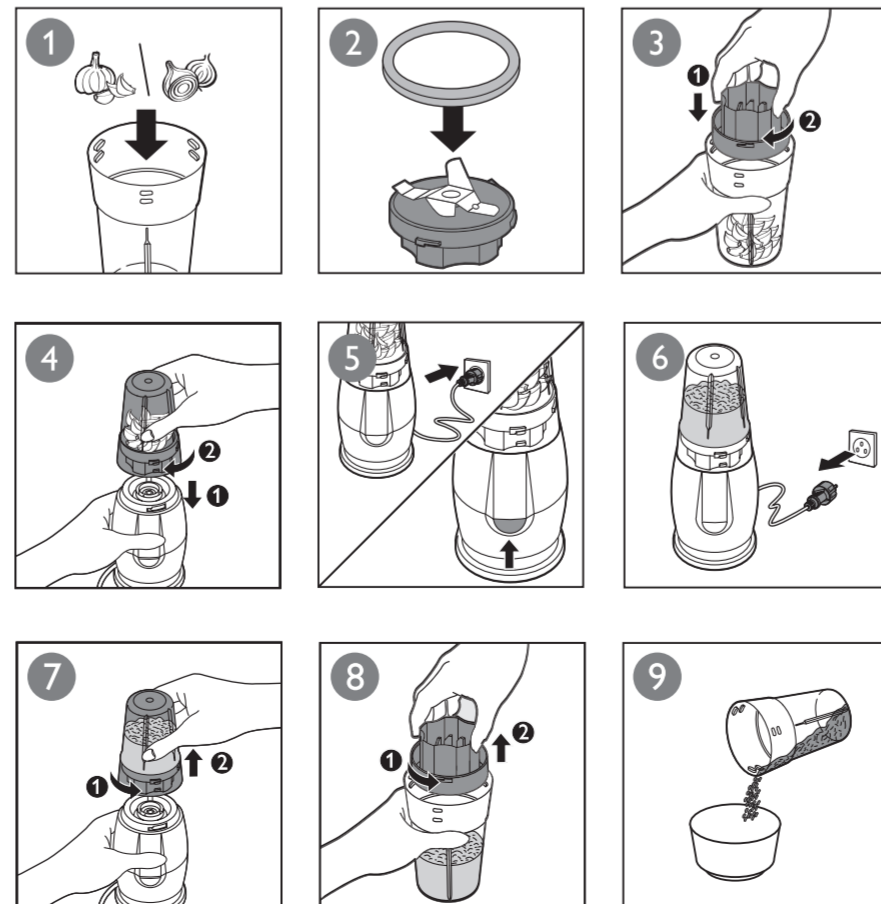
繁體中文

- 1 塞
- 2 攪拌機量杯蓋
- 3 攪拌機蓋橡膠密封圈
- 4 攪拌機量杯
- 5 攪拌機整合式刀組
- 6 電源線
- 7 開/關按鈕
- 8 摩打裝置
- 9 濕磨器刀組 (限 HR2860)
- 10 濕磨器量杯蓋 (限 HR2860)
- 11 濕磨器量杯 (限 HR2860)
- 12 乾磨器量杯 (限 HR2860)
- 13 乾磨器量杯蓋 (限 HR2860)
- 14 乾磨器刀組 (限 HR2860)
- 15 橡膠圈
- 16 內置安全鎖
- 17 電線儲藏格

3 HR2860



4 HR2860



5

	✓	✓	✓
	✓	✓	✓
	✗	✗	✓

